FireAnt

CTCP Đại Việt Group DVG (UPCOM: DVG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	28,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	61,000
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	36
P/E	-77.0
EPS	-17

	YTD	1T	3T	6T
DVG	8.3%	18.2%	-18.8%	8.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản

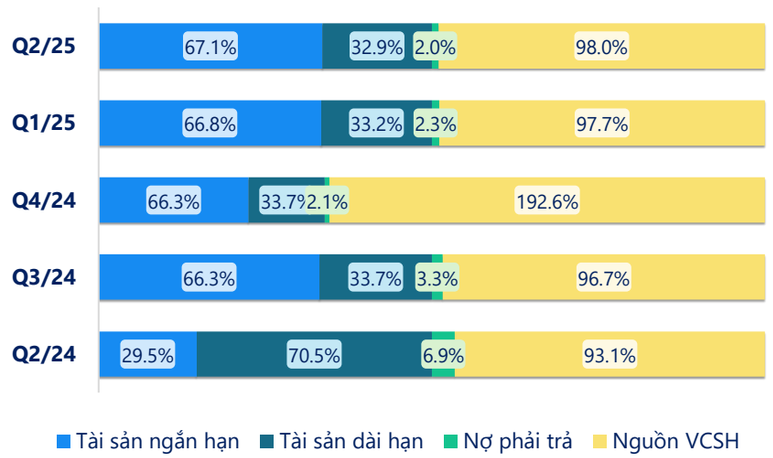

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

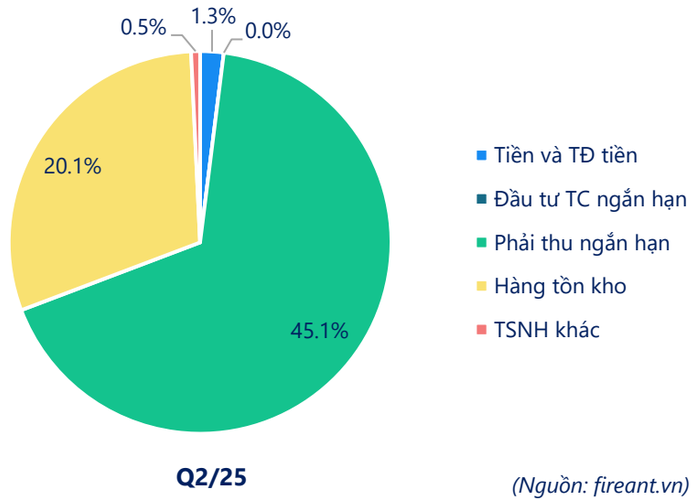

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

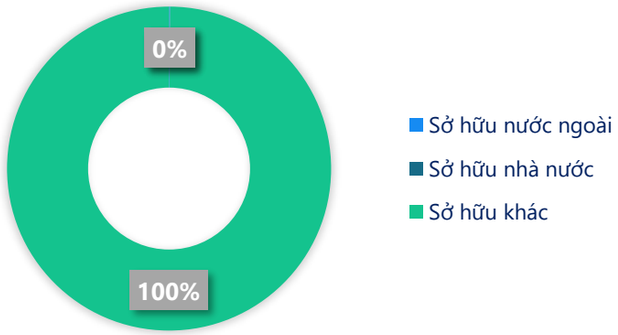

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

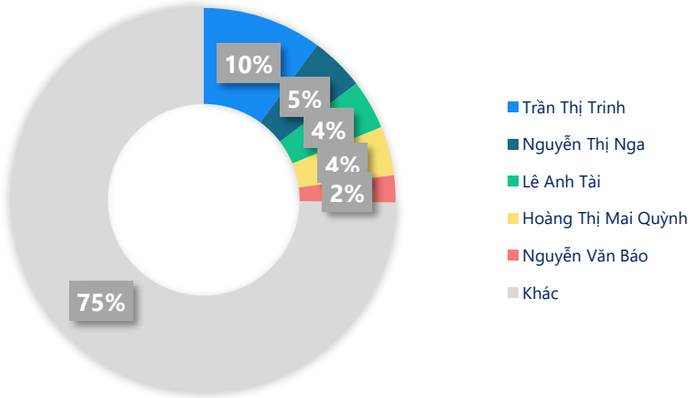

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

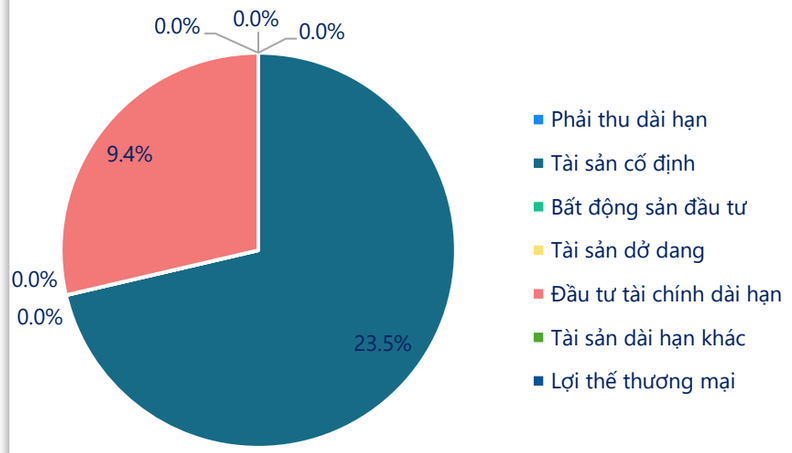

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đại Việt Group DVG (UPCOM: DVG)

Tiền và tương đương tiền

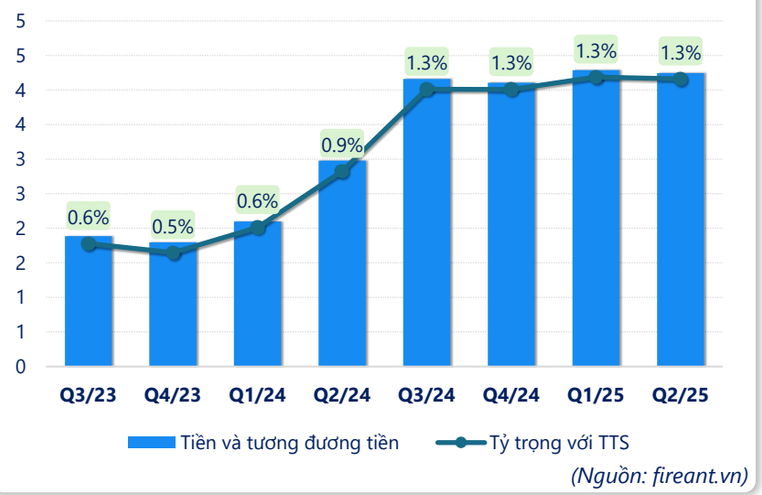

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

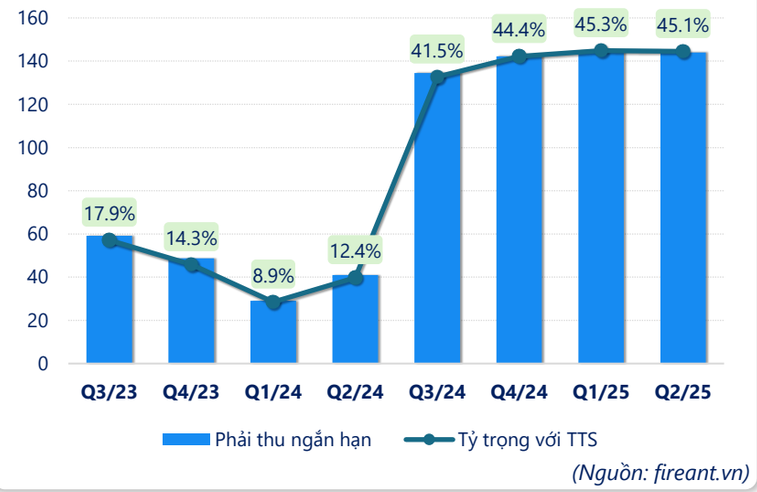

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

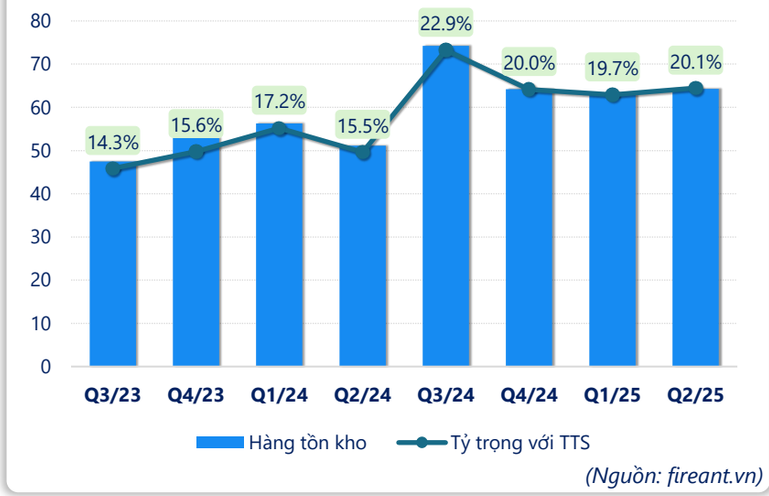

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

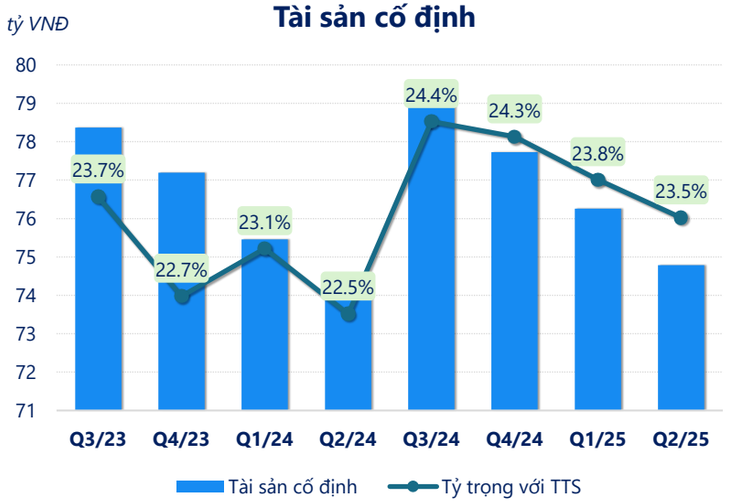

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

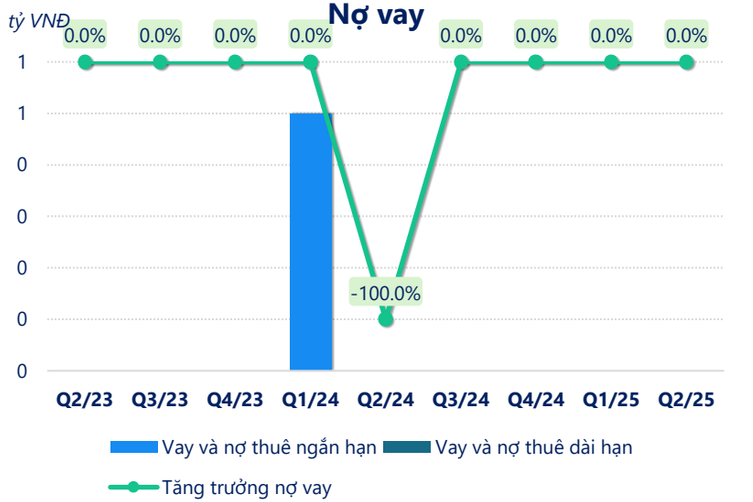

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

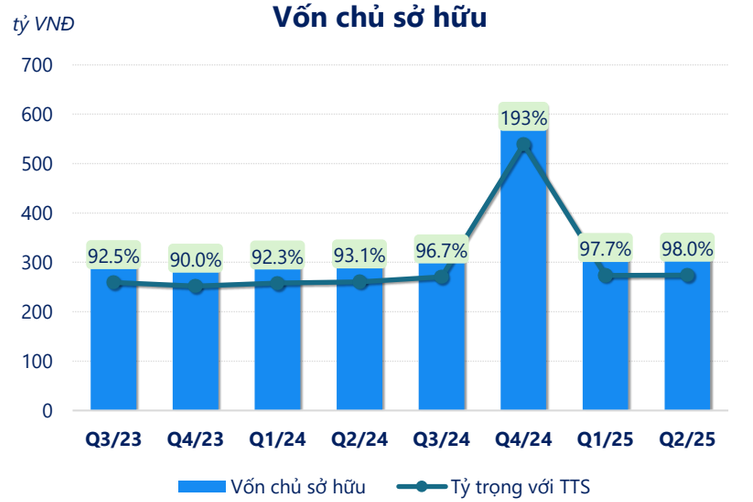

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đại Việt Group DVG (UPCOM: DVG)

Kết quả kinh doanh

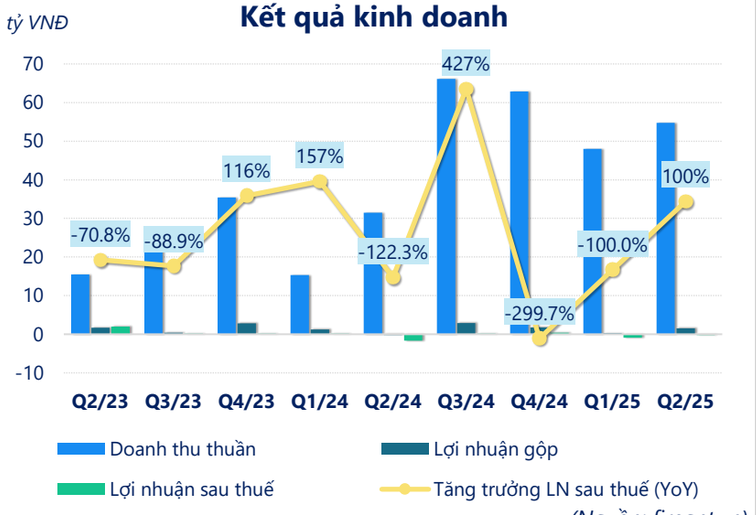

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

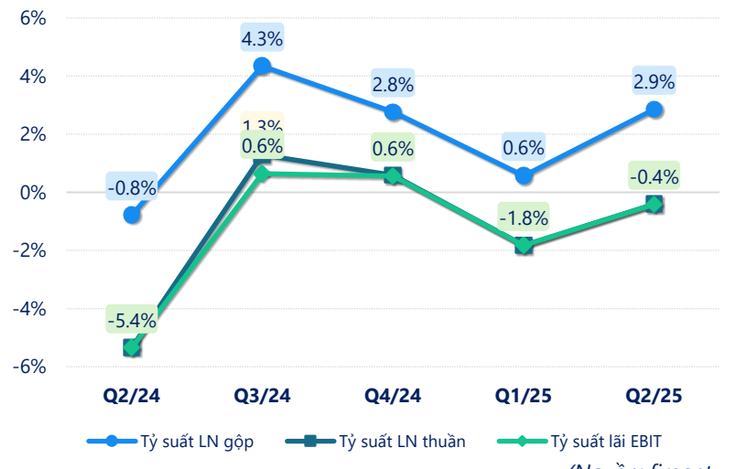

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

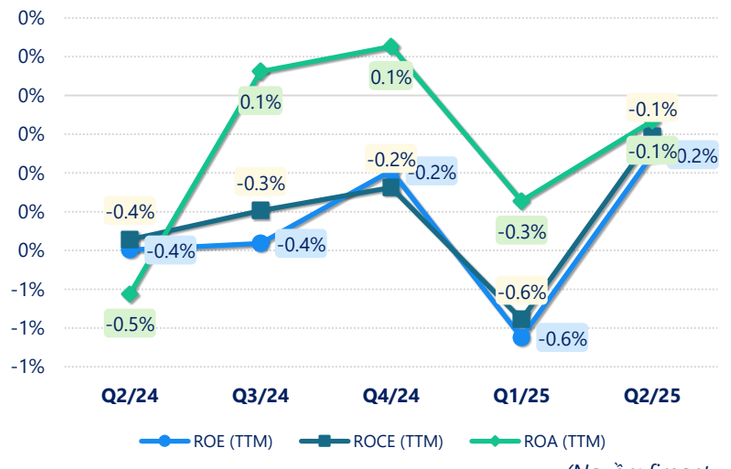

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

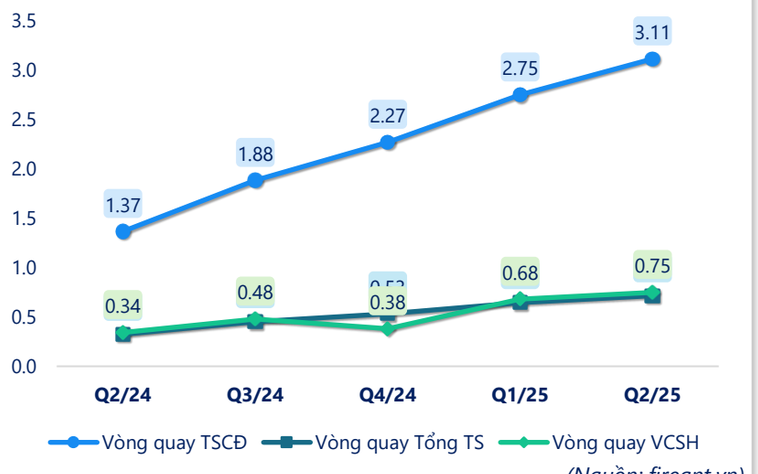

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

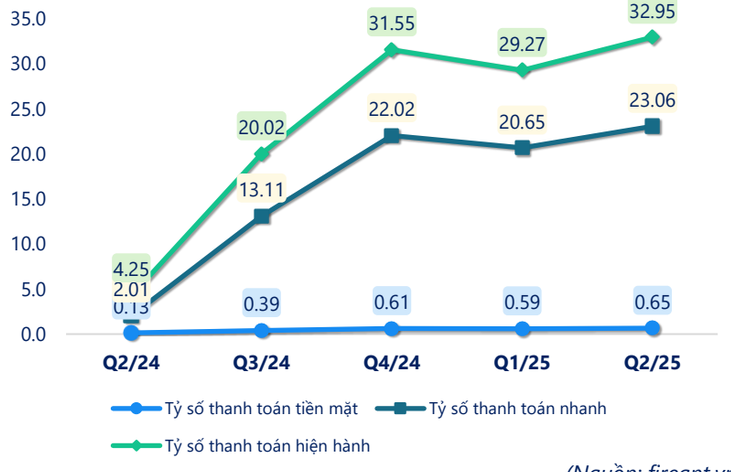

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

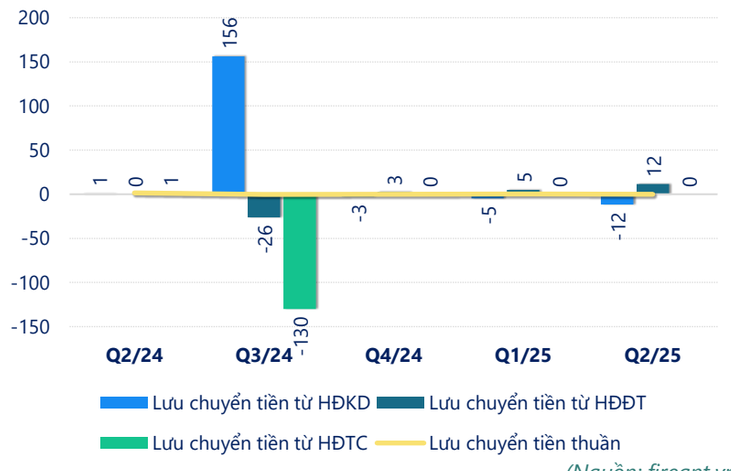

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đại Việt Group DVG (UPCOM: DVG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**319**	**320**	**-0.4%**
Tài sản ngắn hạn	214	212	0.8%
Tiền và tương đương tiền	4.25	4.11	3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	144	142	1.2%
Hàng tồn kho	64.2	64.2	0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.62	1.90	-14.7%
Tài sản dài hạn	**105**	**108**	**-2.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	74.8	77.7	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	30.0	30.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6.50	6.73	-3.5%
Nợ ngắn hạn	**6.50**	**6.73**	**-3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.68	3.97	-7.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**312**	**313**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**312**	**313**	**-0.4%**
Vốn điều lệ	280	280	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	31.5	66.1	62.9	48.0	54.7
Giá vốn hàng bán	31.7	63.2	61.1	47.8	53.2
Lợi nhuận gộp	-0.25	2.87	1.74	0.28	1.56
Doanh thu HĐTC	0.12	0.08	0.08	0.08	0.08
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0.14	0	0	0	0.00
Chi phí bán hàng	1.82	1.00	0.98	0.89	0.84
Chi phí QLDN	-0.12	1.10	0.46	0.34	1.02
LN thuần từ HĐKD	-1.68	0.85	0.37	-0.88	-0.22
Lợi nhuận khác	0.00	-0.43	-0.02	0.00	0.00
LN trước thuế	-1.68	0.43	0.35	-0.88	-0.23
Lợi nhuận sau thuế	-1.66	0.20	0.42	-0.88	-0.23
LNST của CĐ cty mẹ	-1.66	0.20	0.42	-0.88	-0.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.68	156	-2.56	-4.76	-11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-26.3	2.50	4.94	11.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.80	-130	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.10	2.98	4.16	4.11	4.29
Lưu chuyển tiền thuần	**1.48**	**-0.25**	**-0.06**	**0.18**	**-0.04**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.98	4.16	4.11	4.29	4.25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic